

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kế toán

Trình độ: Đại học

Mã ngành: 734.03.01

Thanh Hóa, năm 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kế toán, trình độ: Đại học

(Ban hành theo QĐ số 116/QĐ-ĐHHD ngày 01/03/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân kế toán được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2002 với hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế. Đến năm 2008 chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung và đào tạo theo hình thức tín chỉ, năm 2011 chương trình được điều chỉnh bổ sung làm mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng thời gian thực hành thực tập. Năm 2016 chương trình được điều chỉnh làm mới đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Năm 2017 chương trình đào tạo tiếp tục được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng. Năm 2019 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Năm 2021, chương trình tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo Kế toán của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Đại học Đà Nẵng. Các chương trình đào tạo cử nhân Kế toán của các trường đại học trên thế giới như Vương quốc Anh, Australia, Singapore.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán gồm 47 học phần (tương đương 124 tín chỉ), trong đó có 37 học phần bắt buộc (98 tín chỉ) và 10 học phần tự chọn (26 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 6: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ;); Các khối kiến thức được thiết kế trong chương trình bao gồm:

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 06 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức Toán -Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở gồm 07 học phần (19 tín chỉ);

- Khối kiến thức chung của ngành gồm 18 học phần (48 tín chỉ);
- Kiến thức bổ trợ tự do gồm 03 học phần (06 tín chỉ);
- Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (11 tín chỉ);

Ngành Kế toán có đội ngũ 17 giảng viên giảng dạy trình độ cao trong đó có 1 PGS.TS, 09 tiến sĩ và các nghiên cứu sinh. Các giảng viên đều là người có năng lực chuyên môn cao, được sinh viên tín nhiệm, được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong nước như Học viện Tài chính, Đại học Kinh tế quốc Dân, Đại học Thương Mại, ... và các trường đại học trên thế giới như Anh, Australia. Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng thực hành tin, kế toán được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

2. Thông tin chung về chương trình

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên chương trình (Tiếng Việt): | Kế toán |
| Tên chương trình (Tiếng Anh): | Accounting |
| Mã ngành đào tạo: | 7340301 |
| Trường cấp bằng tốt nghiệp: | Trường Đại học Hồng Đức |
| Tên gọi văn bằng tốt nghiệp: | Cử nhân |
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Số tín chỉ: | 124 |
| Hình thức đào tạo: | Chính quy |
| Thời gian đào tạo: | 4 năm |
| Đối tượng tuyển sinh: | Học sinh THPT hoặc tương đương |
| Thang điểm đánh giá: | 10 |
| Điều kiện tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (124 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập. |
| Vị trí việc làm | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Kế toán của trường đại học Hồng Đức có thể làm việc phù hợp tại các bộ phận, công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ phận kế toán tài chính |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Bộ phận kế toán quản trị + Bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập, các công ty dịch vụ về kế toán. + Bộ phận kế hoạch-tài chính + Bộ phận phân tích kinh tế tài chính - Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chuyên ngành Kế toán của trường đại học Hồng Đức có khả năng và cơ hội nghề nghiệp tại các loại hình doanh nghiệp và tổ chức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Các loại hình doanh nghiệp + Đơn vị hành chính sự nghiệp + Các tổ chức tài chính, ngân hàng + Kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập + Nghiên cứu viên, giảng viên tại các viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp và trung tâm nghiên cứu. + Tự phát triển doanh nghiệp tư nhân. |
| Học tập nâng cao trình độ: | Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước |
| Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT ngành QTKD | Ngày 20 tháng 08 năm 2021 |

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và sức khoẻ tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn. Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán; kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật. Có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi linh hoạt. Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp và các tổ chức khác. Có khả năng tiếp tục học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của công việc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương

pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng về kế toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong công tác kế toán ở các lĩnh vực khác nhau.

PO3: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động kế toán tại các đơn vị, tổ chức.

PO4: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, văn hoá, địa lý, tâm lý kinh doanh, pháp luật kinh doanh đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán.

PO5: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyên môn kế toán cũng như để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế.

PO6: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để đáp ứng các yêu cầu của công việc kế toán.

PO7: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán trong doanh nghiệp và trong các tổ chức khác.

PO8: Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Kế toán có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, năng động, trung thực, khách quan, tự chủ, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác phù hợp với nhu cầu cá nhân hoặc công việc; có khả năng tự học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

PLO1: Cử nhân đại học ngành Kế toán có thể phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và thực tế công việc chuyên môn.

PLO2: Cử nhân đại học ngành Kế toán có kiến thức lý thuyết sâu, rộng; có kiến thức thực tế vững chắc về kế toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các tình huống cụ thể trong công tác kế toán.

PLO3: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu của kế toán tài chính để lập, phân tích báo cáo tài chính và vận dụng kiến thức vào thực tiễn hạch toán kế toán, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong các tổ chức, các doanh nghiệp.

PLO4: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán quản trị từ việc phân loại chi phí, lập dự toán, xây dựng định mức chi phí, phân tích biến động chi phí, lập và phân tích báo cáo quản trị chi phí để hỗ trợ các nhà lãnh đạo trong việc quản lý và ra các quyết định quản trị.

PLO5: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán kết hợp với các kiến thức chuyên sâu kiểm toán như: kiểm toán nội bộ, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động để phân tích, đánh giá tình hình tài sản; tình hình tuân thủ; tính hiệu quả, hiệu năng và tính kinh tế trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, và các loại hình tổ chức khác.

PLO6: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế-QTKD, kinh tế lượng, phân tích hoạt động kinh doanh vào việc lập, phân tích và đánh giá các báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của DN.

PLO7: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp. Vận dụng được để phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, tư vấn, hỗ trợ nhà quản lý trong quá trình ban hành các quyết định về chính sách tài chính, đầu tư, nhân sự và marketing.

PLO8: Cử nhân đại học ngành kế toán có thể hiểu và vận dụng được các kiến thức về tự nhiên, khoa học xã hội, văn hoá, địa lý, tâm lý kinh doanh, pháp luật kinh doanh vào quá trình học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế nói chung và trong quá trình hành nghề kế toán nói riêng.

PLO9: Cử nhân đại học ngành Kế toán đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Cụ thể: có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

PLO10: Cử nhân đại học ngành Kế toán có thể sử dụng thành thạo máy tính cho công việc học tập, sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (EXCEL), phần mềm trình chiếu (POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO11: Cử nhân đại học ngành Kế toán có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức khác.

PLO12: Cử nhân đại học ngành Kế toán có thể vận dụng thành thạo các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, đàm phán và thiết lập các mối quan hệ với đồng nghiệp, với khách hàng.

PLO13: Cử nhân đại học ngành Kế toán tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp hành nghề kế toán; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng;

PLO14: Cử nhân đại học ngành kế toán thành thạo lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có thể đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng;

PLO15: Cử nhân đại học ngành kế toán hình thành thói quen tự học tập, tự nghiên cứu và học tập để nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công việc.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương khi có nhu cầu tham gia chương trình học ngành Kế toán, trình độ đại học. Đồng thời, người học phải đảm bảo đáp ứng đủ điều kiện về kiến thức, kinh nghiệm, năng lực theo quy định của Bộ giáo dục, trường đại học Hồng Đức và khoa Kinh tế quản trị kinh doanh trong kỳ xét tuyển. (Điều kiện có thể thay đổi theo từng giai đoạn).

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra của CTĐT | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 | PLO 15 |
| PO1 | 5 | | | | | | | | | | | | 3 | 4 | 5 |
| PO2 | | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 3 | | | | | | | |
| PO3 | | 5 | 5 | 5 | 3 | 3 | 3 | | | | | | | | |
| PO4 | | | | | | | | 4 | | | | | | | |
| PO5 | | | | | | | 5 | | | | | | | | |
| PO6 | | | | | | | | | 4 | | | | | | |
| PO7 | | | | | | | | | | 5 | 4 | 4 | | | |
| PO8 | | | | | | | | | | | | | 3 | 4 | 5 |

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.

- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập

của sinh viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược, thực hành, thăm quan thực tế doanh nghiệp... (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế)

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, làm bài tập lớn.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

| TT | Khối kiến thức, số TC | Loại HP | Số TC |
|----------------------|---|----------|-------|
| 1 | Kiến thức chung 41 tín chỉ | Bắt buộc | 37 |
| | | Tự chọn | 4 |
| 2 | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 72 tín chỉ | Bắt buộc | 56 |
| | | Tự chọn | 16 |
| 3 | Kiến thức rèn nghề, thực tập 5 tín chỉ | Bắt buộc | 5 |
| | | Tự chọn | 0 |
| 4 | Khóa luận/học phần thay thế 6 tín chỉ | Bắt buộc | 0 |
| | | Tự chọn | 6 |
| Tổng số: 124 tín chỉ | | | |

2. Danh sách và mô tả các học phần

| S T T | Mã học phần | Tên học phần | Mô tả nội dung học phần | Tài liệu tham khảo |
|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|--|
| A | Kiến thức giáo dục đại cương (41 TC) | | | |
| I | Lý luận chính trị (13TC) | | | |
| 1 | 196055 | Triết học Mác-Lênin * (3 tín chỉ) | <p>- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> |

| | | | | |
|---|--------|---|---|---|
| | | | <p>dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p> | <p>- Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005 2. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997</p> |
| 2 | 196060 | <p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (2 tín chỉ)</p> | <p>- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>- Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2004.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Văn kiện đảng toàn tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p> |
| 3 | 196065 | <p>Chủ nghĩa xã hội khoa học* (2 tín chỉ)</p> | <p>- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Giáo trình những</p> |

| | | | | |
|---|--------|--|---|---|
| | | | <p>- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> | <p>nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</p> <p>- Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH,CD/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008</p> |
| 4 | 198030 | Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam * (2 tín chỉ) | <p>- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>- Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</p> <p>- Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>- Văn kiện Đảng toàn tập tập I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,I X,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p> |
| 5 | 197035 | Tư tưởng | <p>- Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>- Bộ Giáo dục & Đào tạo</p> |

| | | | | |
|---|--------|--|--|--|
| | | <p>HCM * (2 tín chỉ)</p> | <p>trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p> | <p>(2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i> - Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội - Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia. |
| 6 | 197030 | <p>Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)</p> | <p>- Nội dung học phần gồm: <i>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm:</i> Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1). <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).. - Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2). |

| II | | Khoa học xã hội (8TC) | | |
|----|-------------------------|--|--|--|
| 7 | 121005 | Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb GD, HN, 2009. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Quốc Vượng, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB GD, 2002. - Đào Duy Anh, <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB VHTT HN, 2000. - Phan Kế Bình, <i>Việt Nam phong tục</i> NXB VHVH HN, 1999. |
| 8 | 156012 | Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể như viết tiểu luận, làm bài tập lớp, làm đề tài NCKH, viết luận văn.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Tiến Khai, <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, Nxb Lao động xã hội, 2014. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Thắng, <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD, năm 2014. - Vũ Cao Đàm, <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2019. |
| 9 | Chọn 1 trong 3 học phần | | | |
| A | 123340 | Môi trường và con người (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb GD. <p>2. Tài liệu tham</p> |

| | | | |
|---|--------|---|--|
| | | <p>chỉ)</p> <p>sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p> | <p>khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. - Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 - Mai Đình Yên (chủ biên) <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997. |
| b | 196025 | <p>Logic học đại cương (2 tín chỉ)</p> <p>Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương trình bày các hình thức lôgic và các quy luật cơ bản của tư duy. Phần thứ nhất giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgic hình thức, các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ, trong đó giới thiệu cấu trúc, hình thức, phương pháp, các loại và đặc biệt là các quy tắc lôgic cho các loại suy luận giúp cho người học nâng cao năng lực tư duy và rút ra những tri thức chân xác.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vương Tất Đạt, <i>Lôgic học đại cương</i>, (2000), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - PTS. Lưu Hà Vĩ, <i>Lôgic hình thức</i>, (1996), Nxb CTQG - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, <i>Giáo trình Lôgic học (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)</i>, (2007), Nxb Chính trị Quốc gia. |

| | | | | |
|----|--------------------------------|---|---|---|
| | | | - Năng lực đạt được: Hình thành và phát triển các năng lực: Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo; Năng lực nghiên cứu khoa học. | |
| | 281005 | Tâm lý trong quản lý kinh doanh (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và quản lý con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> nhận diện đặc điểm tâm lý cơ bản của các đối tượng khách hàng, người bán hàng, người lãnh đạo trong QLKD; Giao tiếp trong hoạt động QLKD có hiệu quả cũng như xây dựng được một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại hiệu quả dựa trên việc ứng dụng phù hợp tâm lý người tiêu dùng</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Bá Dương – Đức Uy, Giáo trình Tâm lý học kinh doanh, NXB Thống kê, 2007. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Hữu Thọ, Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB ĐHQG Hà Nội, 2013. - Nguyễn Thị Thu Hiền, Tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Thống kê, 2000. - Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2002. |
| 10 | <i>Chọn 1 trong 3 học phần</i> | | | |
| a | 125225 | Địa lý kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần địa lý kinh tế Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau: Đặc điểm lãnh thổ, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; Đặc điểm dân cư, lao động và các vấn đề của xã hội Việt nam như: Đô thị hóa, việc làm, chất lượng cuộc sống...; Đặc điểm phát triển kinh tế ở các vùng lãnh thổ Việt Nam, gồm: 7 vùng kinh tế tự nhiên và 04 vùng kinh tế trọng điểm.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế Việt Nam; so sánh các mối liên hệ phát triển kinh tế của các vùng kinh tế với nhau; xử lý, phân tích số liệu thống kê và khai thác thông tin địa lý kinh tế VN từ bản đồ.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (2011), Lê Thông, Nxb ĐHSP Hà Nội. <p>2. Học liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đỗ Thị Minh Đức (Chủ biên), 2012, <i>Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, Tập 2, Nxb Đại học sư phạm. - Địa lý kinh tế Việt Nam (2005), Nguyễn Thị Vang, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội - Địa lý kinh tế Việt Nam (2001), Trần Văn |

| | | | | |
|---|--------|--|--|--|
| | | | | <p>Thông, Nxb Thống kê</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam (2009) Trần Duy Liên, trường ĐH Đà Lạt. - Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (2006), Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Nxb Giáo dục. |
| B | 151075 | Lịch sử kinh tế quốc dân (2 tín chỉ) | <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung học phần: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển kinh tế cho Việt Nam. - Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế. | <p>Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng, <i>Giáo trình Lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2013. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, <i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐHQGHN, 2008 |
| C | 196030 | Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần gồm 6 chương. Chương mở đầu cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS, TS Trần Bình Trọng, 2008. <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội. - Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh-khoa Kinh tế chính trị, 2000. <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh</i> |

| | | | | |
|-----------------------------|--------|-------------------------------|---|---|
| | | | <p>KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.</p> <p>Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó. Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường. Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.</p> | <p>tế, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006. <i>Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội.</p> |
| III Ngoại ngữ (10TC) | | | | |
| 11 | 133031 | Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ) | <p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, <i>English File-Elementary 3rd</i>. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)</p> <p>- Nguyễn Thị Quyết., 2018, <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>- Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English</i></p> |

| | | | | |
|----|--------|--|---|---|
| | | | <p>hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiên A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p> | <p><i>Test 2.</i> Cambridge University Press</p> |
| 12 | 133032 | <p>Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)</p> | <p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition.</i> Oxford University Press.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến</p> | <p>1. Tài liệu chính: - Christina Latham – Koenig, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition.</i> Nxb Văn Hóa Thông Tin. - Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: - Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press. - Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|---|--|
| | | | <p>thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p> | |
| 13 | 133033 | <p>Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)</p> | <p>- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <p>- Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File- Preintermediate 3rd edition.</i> Oxford University Press. (1)</p> <p>- Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET.</i> Richmond Publishing. (2)</p> <p>2. Tài liệu tham khảo)</p> <p>- Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)</p> <p>- Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge</p> |

| | | | | |
|---|--------|--------------------------|---|---|
| | | | <p>tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p> | <p>University Press (4) - Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (5)</p> |
| IV Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên (10TC) | | | | |
| 14 | 114025 | Toán cao cấp (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức toán học vào giải quyết một số bài toán chuyên ngành.</p> | <p>1. Tài liệu chính - Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục. - Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: - Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004). <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm. - Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014). <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.</p> |
| 15 | 173080 | Tin học (2 tín chỉ) | <p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính.</p> | <p>1. Tài liệu chính: 1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP. Nxb TT&TT, 2015.</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|---|--|
| | | | <p>Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p> | <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&KT.</p> <p>- Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.</p> |
| 16 | 114005 | Xác suất thống kê (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng tốt kiến thức xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề chuyên ngành như: giáo dục, kinh tế, kỹ thuật.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Đào Hữu Hồ (2001). <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Phạm Văn Kiêu, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>- Tống Đình Quý (2000). <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB Giáo dục.</p> |
| 17 | 151090 | Lý thuyết mô hình toán kinh tế (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Hoàng Đình Tuấn, <i>Lý thuyết mô hình toán kinh tế</i>, Nxb KTQD, 2015</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Lê Đình Thuý, <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i>, ĐHKQTĐ</p> |

| | | | | |
|----------------------------|--|---------------------------------|--|---|
| | | | <p>pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.</p> | <p>phần I 2008, P2 2007.</p> <p>- Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn, Giáo trình <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb Thống kê, 2006.</p> <p>- Hoàng Đình Tuấn, <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb ĐHKQTĐ, 2007.</p> |
| V Giáo dục thể chất | | | | |
| 1 | 191004 | Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p>Năng lực đạt được: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác. Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa. Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Nguyễn Đại Dương (CB), <i>Điền Kinh</i>, NXB, TĐTT, 2006.</p> <p>- Ủy ban TĐTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>2. Học liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>- Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> |
| 2 | Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>) | | | |
| A | 191031 | Bóng chuyền (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo</p> | <p>Tài liệu chính</p> <p>- Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB, ĐHSP, 2007.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> |

| | | | | |
|---|--------|------------------------------------|--|---|
| | | | <p>các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p> | <p>- Tổng cục thể thao, <i>Luật Bóng chuyền và Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TĐTT, 2015. - Đinh Văn Lãm, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, Nxb TĐTT, 2006.</p> |
| B | 191032 | <p>Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)</p> | <p>Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc. Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc; tự rèn luyện nâng cao thể chất.</p> | <p>Tài liệu chính - Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB, TĐTT, 2014. Tài liệu tham khảo - Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB, TĐTT, 2008. - Vũ Thanh Mai, <i>Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TĐTT, 2011.</p> |
| C | 191033 | <p>Bóng đá (2 tín chỉ)</p> | <p>Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má.); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.</p> | <p>Tài liệu chính - Phạm Quang (2007), <i>Giáo trình bóng đá</i>, NXB, TĐTT. Tài liệu tham khảo - Tổng cục thể thao, <i>Luật thi đấu bóng đá</i>, NXB TĐTT, 2014. - Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật thi đấu bóng đá 7 người</i>, nxb TĐTT, 2001. - Tổng cục thể thao, <i>Luật thi đấu bóng đá 5 người</i>, nxb TĐTT, 2011.</p> |
| D | 191034 | <p>Bóng rổ (2 tín chỉ)</p> | <p>Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2</p> | <p>Tài liệu chính - Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo, Nguyễn Quốc Dân, <i>Giáo trình bóng rổ</i>,</p> |

| | | | | |
|----|--------|--------------------------------------|---|---|
| | | | <p>bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng 1 tay trên cao; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.</p> | <p>NXB, TĐTT, 2003.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>- Tổng cục thể thao, Luật Bóng rổ, TĐTT, 2015</p> <p>- Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường, <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB Đại học Thái Nguyên, 2019.</p> |
| E | 191035 | Vovinam - Việt võ đạo (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào</p> | <p>Tài liệu chính</p> <p>- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu, <i>Kỹ thuật Vovinam- Việt võ đạo tập 1</i>, NXB, TĐTT, 2008.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>- Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam- Việt võ đạo</i>, NXB, TĐTT, 2014.</p> <p>- Nguyễn Chánh Tứ, <i>Vovinam phân thể nhu khí công- quyển 2</i> - NXB TĐTT, 2014.</p> |
| VI | | Giáo dục quốc phòng - an ninh | <p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> |

| | | | | |
|----------|---|--------------------------|---|--|
| | | | <p>gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Năng lực đạt được:</p> <p>+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p> | <p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam.</p> |
| B | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC) | | | |
| I | Kiến thức cơ sở khối ngành (18 TC) | | | |
| 18 | 197010 | Luật kinh tế (2 tín chỉ) | <p>- <i>Nội dung học phần</i>: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- TS Nguyễn Việt Tý, 2018, <i>Giáo trình Luật thương mại tập 1, tập 2</i>, NXB Công an nhân dân.</p> <p>- TS Nguyễn Việt Tý, 2018, <i>Giáo trình Luật thương mại tập 2</i>, NXB Công an nhân dân</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- TS Nguyễn Hợp Toàn, 2015, <i>Giáo trình</i></p> |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------|--|--|
| | | | <p>tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững kiến thức pháp luật về lĩnh vực Luật kinh tế, có khả năng liên hệ với thực tiễn để có thể vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế của mình để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo.</p> | <p>Luật kinh tế, NXB Thống kê.</p> |
| 19 | 151050 | Kinh tế vi mô (3 tín chỉ) | <p>- Nội dung học phần: Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền KTTT.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích và giải quyết được các tình huống cụ thể liên quan đến hành vi của doanh nghiệp, người tiêu dùng và chính phủ; xác định được các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ cụ thể trong nền kinh tế.</p> | <p>1. Tài liệu chính: 1- Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: 1- Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), <i>Giáo trình kinh tế học tập 1</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2- Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Nguyễn Văn Dân (2009), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Tài Chính</p> |
| 20 | 151061 | Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ) | <p>- Nội dung học phần: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô: lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p> | <p>1. Tài liệu chính: 1- Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: 1- Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), <i>Giáo trình kinh tế học tập 2</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2- Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yến (2009),</p> |

| | | | | |
|----|--------|--------------------------------|---|---|
| | | | <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được để tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Từ đó phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế và đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả.</p> | <p><i>Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> |
| 21 | 152140 | Tài chính tiền tệ (3 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ; Khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công (NSNN), tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, hoạt động thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương, tài chính quốc tế.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học hình thành các kỹ năng như: phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp; phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS Nguyễn Văn Tiến; Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, 2011 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Nguyễn Hữu Tài – Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ, 2007 - PGS.TS Phạm Ngọc Dũng, PGS.TS Đinh Xuân Hạng – Giáo trình Tài chính - Tiền tệ, 2014 - TS.Ngô Việt Hương (chủ biên), Tài chính với chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, 2016 |
| 22 | 152048 | Nguyen lý thống kê (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà các sinh viên cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê, NXB ĐHKQTĐ, 2016 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thị Kim Thuý, Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB Thống kê, 2009. - Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê, NXB ĐHKQTĐ, 2014 |

| | | | | |
|----|--------|-------------------------------|---|---|
| | | | Năng lực đạt được: Xây dựng được phương pháp điều ra phù hợp với nội dung, mục tiêu cần điều tra; Thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu thống kê một cách chuẩn xác, khoa học; Xác định rõ từng nhân tố tác động đến hiện tượng phức tạp: chi phí sản xuất, doanh thu, sản lượng, năng suất lao động...; Vận dụng các phương pháp thống kê trong thực tế công tác quản lý kinh tế - xã hội; Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. | |
| 23 | 254026 | Marketing căn bản (2 tín chỉ) | <p>Nội dung: Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS - TS Trần Minh Đạo (2013) – Marketing căn bản, NXB ĐH KTQD <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Hùng (2013), Marketing căn bản, Nxb KTTTPHCM - Philip Kotler (2007), Marketing căn bản, Nxb LĐXH - Lê Quang Hiếu (2016), Quan hệ công chúng, Nxb ĐH Hồng Đức |
| 24 | 153105 | Nguyen lý kế toán (3 tín chỉ) | Nội dung học phần: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; Nội dung và các hình | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân, <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>. 2009 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài Chính, 26 |

| | | | |
|---|--------|---|--|
| | | <p>thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán; vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp; Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp</p> | <p><i>chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, Bộ tài chính, 2015</p> <p>- Võ Văn Nhị, <i>Hệ thống bài tập trắc nghiệm nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính, 2018.</p> |
| II Kiến thức ngành chính (48 TC) | | | |
| <i>Kiến thức chung của ngành (30 TC)</i> | | | |
| 25 | 153085 | <p>Kế toán tài chính 1 (4 tín chỉ)</p> <p>Nội dung học phần: Học phần giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các nguyên tắc kế toán trong xử lý các tình huống kế toán trong doanh nghiệp, lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện hạch toán, vào sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp liên quan đến Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>- GS.TS.NGND Ngô Thế Chi và PGS.TS. Trương Thị Thủy, <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính, 2013.</p> <p>- TS. Lê Thị Hồng, TS. Lê Thị Minh Huệ, Th.S Lê Thị Diệp, <i>Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính, 2019.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Bộ tài chính, <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp Q1 - Hệ thống tài khoản kế toán</i> (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2015.</p> <p>- Bộ tài chính, <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp</i>.</p> |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------------|---|--|
| | | | | Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động, 2015. |
| 26 | 153084 | Kế toán quản trị 1 (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí và tính được giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp theo nhiều phương pháp khác nhau, nắm được các khái niệm về mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ giữa CP- KL-LN, ứng dụng điểm hòa vốn trong việc ra quyết định kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn Xuân Tiên, <i>Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, 2009 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí, <i>Kế toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài Chính, 2019 |
| 27 | 153091 | Kế toán tài chính 2 (4 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm và tiêu thụ; kế toán các nguồn vốn và lập các báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng vận dụng và thực hành tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện phân loại, tập hợp đúng các chi phí phát sinh liên quan đến công tác tính giá thành sản phẩm, vận dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, kế toán các nghiệp vụ liên quan đến nhập - xuất kho thành phẩm, hàng hóa và tiêu thụ thành phẩm, hàng</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS.NGND Ngô Thế Chi và PGS.TS. Trương Thị Thủy, <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính, 2013. - TS. Lê Thị Hồng, TS. Lê Thị Minh Huệ, Th.S Lê Thị Diệp, <i>Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính, 2019. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ tài chính, <i>Chế độ</i> |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------------------|--|---|
| | | | <p>hóa, tăng giảm nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu và lập các báo cáo tài chính theo quy định.</p> | <p>kế toán doanh nghiệp Q1 - <i>Hệ thống tài khoản kế toán</i> (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2015.</p> <p>- Bộ tài chính, <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp</i>. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động, 2015.</p> |
| 28 | 153086 | <p>Kế toán quản trị 2 (2 tín chỉ)</p> | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu về định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp; Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện; có khả năng vận dụng các phương pháp định giá bán sản phẩm khác nhau trong doanh nghiệp; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu, lập định mức và lên dự toán chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Thông qua việc xác định các chi phí sản xuất kinh doanh người học có khả năng tiến hành phân tích và đưa ra được những giải pháp tối ưu cho DN. Người học có đủ kiến thức để tiến hành phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <p>- Đoàn Xuân Tiên, <i>Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, 2009</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí, <i>Kế toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài Chính, 2019</p> |

| | | | | |
|----|--------|--------------------------------------|--|---|
| | | | theo những phương pháp khác nhau và có thể lập được báo cáo bộ phận. | |
| 29 | 153055 | Kế toán máy (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, ứng dụng CNTT trong kế toán doanh nghiệp, quy trình áp dụng kế toán máy, thực hành kế toán máy trên phần mềm kế toán ACMAN.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực vận dụng thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán, xây dựng danh mục từ điển, nhận diện và xử lý chứng từ trùng, cập nhật số dư đầu kỳ, đăng ký chi tiết cho các tài khoản, khai báo nhân sự và quản lý tiền lương, cập nhật nghiệp vụ, sửa, xóa, in chứng từ, phân bổ, kết chuyển chi phí để tính giá thành sản phẩm, tự tạo hóa đơn cho doanh nghiệp, lên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thuế.</p> | <p>. Tài liệu chính - Phạm Hồng Sơn - Phần mềm kế toán ACMAN, NXB Lao động và xã hội, 2012.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo - TS. Trần Thị Song Minh, Giáo trình Kế toán máy, NXB ĐHKQTĐ, 2010. - GS.TS.NGND Ngô Thế Chi và PGS.TS. Trương Thị Thủy, Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính, 2013.</p> |
| 30 | 153135 | Tổ chức công tác kế toán (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Tổ chức công tác kế toán từ việc thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán, nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng và Tổ chức bộ máy kế toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán; có kỹ năng tổ chức được bộ máy kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp, biết cách phân công, hướng dẫn, kiểm tra tất cả các công việc của từng nhân viên kế toán. Lập được chứng từ kế toán phù hợp với từng loại nghiệp vụ. Tổ chức luân chuyển chứng từ đến từng bộ phận, có khả năng ghi chép và phản ánh thông tin kế toán vào hệ thống sổ kế toán, có khả năng lập các báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.</p> | <p>. Tài liệu chính - Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng, <i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, 2011</p> <p>2. Tài liệu tham khảo - Hồ Mỹ Hạnh, <i>Tổ chức hạch toán kế toán doanh nghiệp</i>, NXB Thống kê, 2011. - Bộ tài chính, <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014 - TT/ BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính</i>, 2014.</p> |
| 31 | 153025 | Kiểm toán căn bản | <p><i>Nội dung học phần:</i> Bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: Báo cáo kiểm toán, gian lận sai sót, trọng yếu rủi ro,</p> | <p>2. Tài liệu chính: - TS. Nguyễn Việt Lợi, Th.s Đậu Ngọc Châu, Giáo trình Lý thuyết</p> |

| | | | | |
|----|--------|--------------------------------------|--|--|
| | | (3 tín chỉ) | <p>ơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể chủ động xây dựng kế hoạch kiểm toán, lựa chọn phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, phân tích các bằng chứng và lập được các báo cáo kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể. Người học có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu của hoạt động kiểm toán như kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ.</p> | <p>kiểm toán, NXB Tài chính, 2009.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS, TS Nguyễn Quang Quỳnh; PGS, TS Nguyễn Thị Phương Hoa; Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán, NXB ĐHKQTĐ, 2018. - PGS.TS. Thịnh Văn Vinh, TS. Vũ Thùy Linh, Hệ thống câu hỏi và nội dung ôn tập kiểm toán căn bản, NXB Tài chính, 2016 |
| 32 | 152045 | Quản trị tài chính DN1 (3 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Tổng quan về nội dung của tài chính doanh nghiệp, vai trò của tài chính doanh nghiệp; các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Xác định chi phí theo từng mục đích quản lý khác nhau của doanh nghiệp; Xác định được điểm hòa vốn để đề xuất phương án sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phù hợp cho doanh nghiệp; xác định và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; xác định được giá trị hiện tại, giá trị tương lai; Đánh giá được mức độ rủi ro của chứng khoán, danh mục đầu tư thông qua các chỉ tiêu đo lường rủi ro; Đánh giá hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Bùi Văn Vân, PGS.TS Vũ Văn Ninh , Giáo trình tài chính doanh nghiệp, 2015 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS.TS Bùi Văn Vân (2009), <i>Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính. - PGS.TS Vũ Duy Hòa, Th.s Trần Minh Tuấn (2019) , <i>Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Kinh tế quốc dân |
| 33 | 154081 | Quản trị doanh nghiệp 1* (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản và thực hành quá trình vận hành một doanh nghiệp như thế nào thông qua các nội dung hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong doanh nghiệp; Các phương pháp điều hành doanh nghiệp; cách thức</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, Nxb KTQD <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Ngọc Huyền |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------|--|---|
| | | chỉ) | <p>nhận biết và sử dụng thông tin quản trị để ra quyết định trong doanh nghiệp hiệu quả. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được bồi dưỡng thành thạo các kỹ năng quản lý, giao tiếp, tư duy; Kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng lãnh đạo nhóm; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch quản trị điều hành doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có đầy đủ kiến thức và kỹ năng làm được các công việc QTDN như Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Lập mục tiêu và kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; tự xây dựng kế hoạch khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> | <p>(2013) Giáo trình Quản trị kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>- Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (2019), Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp, Nxb ĐH KTQD.</p> <p>- Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p> |
| 34 | 151020 | Kinh tế lượng (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình, bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt, phân tích kết quả mô hình đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành các phần mềm Eviews, SPSS trong quá trình phân tích hồi quy.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh, Giáo trình Kinh tế lượng, NXB ĐHKQTĐ, 2012</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Cao Văn, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB ĐHKQTĐ, 2018</p> <p>- Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung, Giáo trình kinh tế vi mô I, NXB Tài chính, 2017</p> |
| 35 | 154015 | Khởi sự kinh | <p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về đặc trưng môi trường kinh doanh hiện nay, những kỹ năng lựa chọn ý</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga</p> |

| | | | | |
|---|--------|--|---|---|
| | | doanh (2 tín chỉ) | <p>tương kinh doanh phù hợp; Các nội dung cụ thể của bản kế hoạch kinh doanh; các cách huy động vốn cho việc thực hiện ý tưởng kinh doanh, Các hình thức để bắt đầu kinh doanh như tạo lập doanh nghiệp mới, mua lại công ty và nhượng quyền kinh doanh.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi ý tưởng kinh doanh mà mình có, có thể tự soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh chi tiết dựa trên ý tưởng của bản thân; đánh giá được ưu, nhược điểm của từng cách thức bắt đầu khởi sự và đưa ra lựa chọn cách thức khởi sự cho ý tưởng kinh doanh của mình.</p> | <p>(2017), Khởi sự kinh doanh, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Phi Vân (2015), Nhượng quyền khởi nghiệp, Nxb Trẻ - Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017), Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Nxb Phụ nữ - Nguyễn Ngọc Huyền (2008), Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, Nxb ĐH KTQD. |
| Kiểm thức chuyên sâu của ngành (18 TC) | | | | |
| 36 | 152030 | Phân tích hoạt động kinh doanh (3 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Công, <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD, 2013. <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Lao động- Xã hội, 2007 - Nguyễn Ngọc Quang, <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011 |
| 37 | 153020 | Kiểm toán báo | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính, nội dung các bước của công việc lập kế hoạch</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - ThS Đậu Ngọc Châu, TS Ngô Viết Lợi, <i>Giáo trình</i> |

| | | | | |
|----|--------------------------------|---|---|--|
| | | <p>cáo tài chính (2 tín chỉ)</p> | <p>kiểm toán, và nội dung của thể của hoạt động kiểm toán từng chu kỳ cụ thể từ chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, chu kỳ tiền lương và nhân sự, chu kỳ hàng tồn kho, chi phí và giá thành, chu kỳ huy động vốn và hoàn trả và các thông tin tài chính khác của doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng vận dụng các chính sách chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán - kiểm toán và kỹ thuật kiểm toán để thực hành nghề nghiệp kiểm toán trong tương lai.</p> | <p>Kiểm toán báo cáo tài chính, NXB tài chính, 2011</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- GS, TS Nguyễn Quang Quỳnh; PGS. TS Ngô Trí Tuệ; Giáo trình Kiểm toán tài chính, NXB ĐHKTKQD, 2012.</p> <p>- Ths. Đậu Ngọc Châu, Ths. Vũ Thùy Linh, Bài tập kiểm toán báo cáo tài chính, NXB Tài chính, 2010.</p> |
| 38 | 153047 | <p>Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tín chỉ)</p> | <p><i>Nội dung học phần:</i> Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán trong các đơn vị HCSN; có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị HCSN; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính tại các đơn vị HCSN.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Phạm Văn Liên, Giáo trình <i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>, NXB Tài chính, (2009)</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- Võ Văn Nhị và cộng sự, <i>Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính</i>, Nxb Tài chính, 2017.</p> <p>- Bộ Tài chính, <i>Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính</i>, NXB Tài chính, Năm 2017</p> |
| 39 | <p>Chọn 1 trong 2 học phần</p> | | | |
| | 154051 | <p>Kế toán TMD</p> | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Tổ chức công tác kế toán trong DN thương mại dịch vụ;</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <p>- GS.TS Ngô Thế Chi, TS. Trương Thị Thủy,</p> |

| | | | |
|--------|---------------------------------------|---|--|
| | V (3 tín chỉ) | <p>Đặc điểm kế toán lưu chuyển hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại nội địa, đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xuất – nhập khẩu, đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ và lập báo cáo tài chính. Giúp người học đủ khả năng hạch toán những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh và lập báo cáo tài chính trong các trong doanh nghiệp thương mại, đồng thời làm cơ sở nghiên cứu các học phần tiếp theo.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng lựa chọn phương thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại - dịch vụ; thực hành kế toán nghiệp vụ mua hàng và nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp thương mại nội địa, doanh nghiệp xuất nhập khẩu; vận dụng được phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ vận tải, hướng dẫn du lịch, nhà hàng, khách sạn; thực hành lập các loại báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp thương mại – dịch vụ.</p> | <p>Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ, NXB tài chính, 2010.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- GS.TS Đặng Thị Loan, Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB ĐHKQTĐ, 2013.</p> <p>- TS. Hà Thị Thúy Vân, TS. Vũ Kim Anh, Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, NXB Tài chính, 2017.</p> |
| 153098 | Kế toán tài chính 3 (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm kế toán một số các loại hình doanh nghiệp đặc thù như: doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp xây lắp, doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, dịch vụ ăn uống, dịch vụ du lịch, dịch vụ vận tải. Từ đặc điểm của các loại hình doanh nghiệp để lựa chọn tổ chức công tác kế toán phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh doanh. Cung cấp quá trình kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm của một số loại hình doanh nghiệp đặc biệt và xác định kết quả kinh doanh của từng doanh nghiệp đặc thù. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn cách ghi chép sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học phần giúp người học đủ khả năng xem xét toàn quá trình ghi chép từ chứng từ kế toán, xử lý</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <p>- Đặng Thị Loan, Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB ĐHKQTĐ, 2013</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- TS. Hà Thị Thúy Vân, TS. Vũ Kim Anh, Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, NXB Tài chính, 2017.</p> <p>- TS. Nguyễn Vũ Việt, Giáo trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp, NXB Tài chính, 2010.</p> |

| | | | | |
|--------|----------------------------------|--|--|--|
| | | | chứng từ và ghi sổ kế toán, cuối cùng là lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh đặc thù, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu và vận dụng các kiến thức do môn học cung cấp vào thực tiễn. | |
| 40 | <i>Chọn 1 trong 2 học phần</i> | | | |
| 153048 | Kế toán thuế (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế trong doanh nghiệp như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí, lệ phí khác. Hướng dẫn phương pháp tính các loại thuế, phục vụ cho việc hạch toán các loại thuế cũng như quyết toán và kê khai thuế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng tính toán, kế toán được các loại thuế, lập được tờ khai, bảng kê và quyết toán các loại thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, xuất nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác trong đơn vị.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Phú Giang, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng, <i>Kế toán thuế</i>, NXB Tài chính, 2016. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiêm Văn Lợi; <i>Thuế và Kế toán Thuế trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, 2009. - Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bát, <i>Chính sách và nghiệp vụ thuế</i>, NXB Thống kê, 2016 | |
| 153056 | Kế toán ngân sách xã (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn; có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị xã, phường, thị trấn;</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hữu Đại-Hữu Thắng, <i>Nghiệp vụ kế toán xã, phường, thị trấn</i>, NXB Tài chính, 2017. <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng Bình – Ái Phương, <i>Hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã</i>, NXB Hồng Đức, 2019 - Trịnh Văn Khoa, <i>Kiến thức và kỹ năng dành cho công chức TC-KT cấp xã ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay</i>, NXB Thanh Hóa, 2018 | |

| | | | | |
|--------|--------------------------------|--|---|--|
| | | | Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán tại các đơn vị xã, phường, thị trấn. | |
| 41 | <i>Chọn 1 trong 3 học phần</i> | | | |
| 153060 | Kế toán ngân hàng (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nguồn vốn huy động vốn, nghiệp vụ cho vay; nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng của khách hàng, nghiệp vụ liên quan đến tài sản kinh doanh của NHTM, nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng và phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính NHTM.</p> <p>Năng lực đạt được: người học theo dõi, phản ánh và ghi chép kịp thời sự biến động về vốn nguồn cũng như vốn sử dụng của NHTM; hạch toán chi phí trả lãi tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng; Hạch toán lãi dự thu cũng như đôn đốc việc thu lãi cho vay, thu nợ gốc đối với các khoản cho vay đã đến hạn thanh toán của khách hàng; Theo dõi, hạch toán sự tăng giảm của tài sản cố định phục vụ cho hoạt động kinh doanh của NHTM.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Th.S Nguyễn Văn Lộc (2015), <i>Kế toán ngân hàng thương mại</i>, NXB Tài chính <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TS. Ngô Hồng Yên (2016), <i>Kế toán ngân hàng thương mại</i>, NXB thống kê - Đại học Ngân hàng TP. HCM (2012), <i>Kế toán ngân hàng thương mại</i>, | |
| 153087 | Kế toán quốc tế (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về về kế toán quốc tế: Tổng quan về kế toán quốc tế, sự phát triển của hệ thống kế toán trên thế giới, đặc điểm một số mô hình kế toán trên thế giới. Sự cần thiết và ra đời của hệ thống chuẩn mực kế toán thế giới, đặc điểm kế toán một số quốc gia như Mỹ, Pháp. Đi sâu vào Hệ thống kế toán Mỹ: kế toán tài sản bằng tiền, kế toán thương phiếu phải thu, kế toán thương phiếu phải trả, kế toán lợi thế thương mại, kế toán trái phiếu phát hành; Hệ thống kế toán Pháp. Sinh viên thực hành được các tình huống kế toán Mỹ, Pháp trong thực tế. Học phần giúp người học có cái nhìn toàn cảnh về chu trình kế toán hoàn thiện trong một doanh nghiệp, qua đó</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Đông, <i>Giáo trình Kế toán quốc tế</i>, NXB Thống kê, 2002. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Phú Giang, <i>Kế toán quốc tế</i>, NXB Tài chính, 2009. | |

| | | | |
|--------|--------------------------------|---|--|
| | | <p>hiểu thêm về hệ thống kế toán Mỹ, từ đó có thể so sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa kế toán Việt Nam với kế toán Mỹ và cả kế toán quốc tế. Bên cạnh đó, người học còn có cơ hội sử dụng và tra cứu những thuật ngữ kế toán bằng tiếng Anh để có thể dễ dàng tiếp cận với những nguồn tài liệu gốc cũng như có cơ hội cao hơn khi xin việc tại những công ty có yếu tố nước ngoài.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực vận dụng và thực hành lập chứng từ, phản ánh chứng từ vào sổ nhật ký chung, sổ cái, lập bảng cân đối thử, thực hiện các bút toán điều chỉnh cuối kỳ đến lập và trình bày các báo cáo tài chính; kế toán quỹ tạp phí, tiền gửi ngân hàng, thương phiếu phải thu, lợi thế thương mại, thương phiếu phải trả, trái phiếu phát hành...trong hệ thống kế toán Mỹ. Đồng thời, người học có năng lực khái quát hóa và so sánh đối chiếu các đặc điểm chung của hệ thống kế toán Pháp với hệ thống kế toán Mỹ và Việt Nam.</p> | |
| 153923 | Kế toán môi trường (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản về kế toán môi trường như sự cần thiết phải triển khai hoạt động kế toán môi trường, các định nghĩa, thành phần và mục tiêu của kế toán môi trường.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán môi trường; có khả năng triển khai áp dụng kế toán môi trường trong các phần hành kế toán tài chính, kế toán quản trị từ việc thiết kế, vận dụng hệ thống chứng từ, đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phù hợp phục vụ cho việc lập sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập các báo cáo kế toán phù hợp.</p> | <p>1. Tài liệu chính - Phạm Đức Hiếu, <i>Kế toán môi trường trong doanh nghiệp</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: - Bộ Tài Chính, <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, Bộ tài chính, NXB Tài chính 2015,</p> |

| | | | |
|--------|---------------------------------|---|---|
| 42 | <i>Chọn 1 trong 3 học phần</i> | | |
| 153067 | Kiểm toán nội bộ (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức chung về kiểm toán nội bộ như: Khái niệm, đối tượng, vai trò, mục đích, nội dung, phạm vi, phương pháp, quy trình và ý nghĩa của kiểm toán nội bộ. Quy trình, phương pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ cũng như những vấn đề chung về kiểm toán viên nội bộ. Đồng thời, học phần còn cung cấp các nội dung kiểm toán cơ bản do kiểm toán nội bộ thực hiện bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học phần trang bị cho người-học những kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, đồng thời giúp người học vận dụng các kiến thức do môn học cung cấp vào thực tiễn tiến hành hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động do các kiểm toán viên nội bộ thực hiện.</p> | <p>1. Tài liệu chính - PGS.TS Thịnh Văn Vinh, TS. Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ, NXB Tài chính 2012.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo - TS. Phan Trung Kiên, Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2015. - TS. Phạm Thị Bích Thu, Sách chuyên khảo về kiểm soát nội bộ, NXB Tài chính, 2019.</p> |
| 153021 | Kiểm toán hoạt động (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Đặc điểm kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước và kiểm toán những hoạt động chủ yếu trong một tổ chức.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận thức được vai trò của kiểm toán hoạt động trong hệ thống kiểm toán, các chuẩn mực và tiêu chuẩn cho kiểm toán hoạt động cũng như cách thức kiểm toán hoạt động. Người học cũng có thể vận dụng các kỹ thuật kiểm toán để kiểm toán các hoạt động phổ biến trong các đơn vị kinh doanh, hành chính, sự nghiệp.</p> | <p>1. Tài liệu chính - GS.TS Nguyễn Quang Quynh- Giáo trình Kiểm toán hoạt động, NXB Đại học KTQD, 2013.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo - TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, Sách bài tập Kiểm toán hoạt động, NXB ĐHKQTĐ, 2011. - PGS.TS. Thịnh Văn Vinh, TS. Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ, NXB Tài chính, 2012.</p> |
| 153022 | Kiểm toán tuân thủ | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán như: Khái niệm, đối tượng, mục đích, nội dung, phạm vi và ý nghĩa của hoạt động</p> | <p>1. Tài liệu chính - TS. Vũ Thị Phương Liên, Đậu Ngọc Châu- Giáo trình Kiểm toán tuân</p> |

| | | | |
|------------|-------------------------------------|---|--|
| | (2 tín chỉ) | <p>kiểm toán tuân thủ. Cung cấp các kiến thức về lập quy trình kiểm toán tuân thủ cũng như các chuẩn mực kiểm toán tuân thủ mà KTV cần áp dụng khi tiến hành kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ rõ các mục tiêu, các tiêu chuẩn và kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cũng như kiểm toán hoạt động các hoạt động và các doanh nghiệp đặc thù.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm toán tuân thủ tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu và vận dụng các kiến thức do môn học cung cấp vào thực tiễn tiến hành hoạt động kiểm toán tuân thủ cũng như trong quá trình triển khai các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động.</p> | <p>thủ, NXB Thống kê, 2016.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>- PGS.TS.Thịnh Văn Vinh, TS. Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ, NXB Tài chính, 2012.</p> <p>- Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH KTTPHCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán, Kiểm toán, NXB Kinh tế TPHCM, 2014.</p> |
| III | Kiến thức bổ trợ tự do (8TC) | | |
| 43 | <i>Chọn 1 trong 3 học phần</i> | | |
| 152055 | Thuế (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về thuế và chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; các sắc thuế hiện hành, đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần kê khai, nộp thuế đối với Nhà nước.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> người học tính và kê khai được số thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh, từ tiền lương, tiền công và một số hoạt động cụ thể khác theo quy định mà cơ sở kinh doanh phải nộp cho cơ quan thuế.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- TS. Lê Hoàng Bá Huyền, PGS.TS Nguyễn Thị Bất, Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ thuế, 2016</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Thị Liên và PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Thuế</i>, NXB Tài chính</p> <p>- TS.Lê Hoàng Bá Huyền (2016), <i>Câu hỏi và bài tập thuế</i>, NXB Lao động</p> |
| 152065 | Thị trường chứng khoán | <p>Nội dung học phần: Tổng quan về thị trường chứng khoán: bản chất, chức năng, cơ cấu của thị trường chứng khoán, các công cụ và các chủ thể tham gia thị trường,</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- PGS.TS Lê Hoàng Nga, <i>Thị trường chứng khoán</i>, Nxb Tài chính,</p> |

| | | | | |
|----|--------------------------------|--|---|--|
| | | g khoá n (2 tín chỉ) | <p>vai trò của thị trường chứng khoán; Tổ chức thị trường và các hoạt động chính trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán để đầu tư; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học tham gia đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tính giá trị sổ sách của cổ phiếu dựa trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán; Tư vấn cho khách hàng tham gia thị trường chứng khoán; Tư vấn cho công ty nên phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng; Xác định giá khớp lệnh của cổ phiếu dựa vào các lệnh đặt ở phiên khớp lệnh định kỳ; Xác định khối lượng giao dịch của phiên khớp lệnh định kỳ.</p> | <p>2020.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- TS. Bạch Đức Hiền, Giáo trình Thị trường chứng khoán, Nxb Tài chính, 2008.</p> <p>- PGS.TS Hoàng Văn Quỳnh, <i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán</i>, Nxb tài chính, 2008.</p> |
| | 152095 | Tài chính công (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: ngân sách nhà nước và chu trình quản lý ngân sách nhà nước, quản lý chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, quản lý chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, quản lý tài chính ở các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học tính toán mức chi thường xuyên của NSNN cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ, định mức; Xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính; Quản lý tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công lập về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- PGS.TS Dương Đăng Chinh, TS Phạm Văn Khoan, Giáo trình quản lý tài chính công, 2009</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- PGS.TS. Sử Đình Thành, TS. Bùi Thị Mai Hoài (2009), <i>Lý thuyết Tài chính công</i>, Nxb ĐHQG, TP HCM</p> <p>- Trương Huỳnh Thắng (2016); <i>Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015</i>/ Trương Huỳnh Thắng; NXB, Chính trị Quốc gia.</p> |
| 44 | <i>Chọn 1 trong 3 học phần</i> | | | |
| | 152020 | Nghi ệp vụ ngân hàng | <p>Nội dung học phần: Tổng quan về nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của NHTM; Các nghiệp vụ cho vay, phương thức cho vay của NHTM; Các dịch vụ thanh toán qua</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- PGS.TS Nguyễn Thị Mùi, Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương</p> |

| | | | |
|---------|-----------------------------------|---|---|
| | thương mại (2 tín chỉ) | <p>ngân hàng của khách hàng; qui trình nghiệp vụ huy động vốn, cho vay; Các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng khác: bảo lãnh, tư vấn kinh doanh chứng khoán, ủy thác...</p> <p>Năng lực đạt được: phân tích thị trường, phân tích đặc điểm của từng loại tiền gửi, từng đối tượng khách hàng để tìm ra phương thức huy động vốn phù hợp cho ngân hàng; tính toán các chi phí huy động vốn, thu nhập từ lãi cho vay để xây dựng chính sách huy động vốn tối ưu, quản lý rủi ro tín dụng; tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương thức đầu tư, phương thức tài trợ thích hợp.</p> | <p>mai, 2012</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thu Thủy (2014), <i>Nguyên lý và nghiệp vụ NHTM</i>, NXB Thống kê - PGS.TS Tô Ngọc Hưng (2014), <i>Giáo trình Ngân hàng thương mại</i>, NXB Dân trí |
| 1520070 | Thống kê doanh nghiệp (2 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của các đơn vị.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng tiến hành điều tra, thu thập thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh; Khả năng tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Khả năng lập được bảng cân đối lao động, bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp; Khả năng xác định và phân tích, đánh giá được</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Công Nhự, <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB ĐH KTQD, 2017 <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Thị Kim Thu, <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2016 - Chu Văn Tuấn <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, 2010 |

| | | | | |
|--------|---------------------------------|--|---|--|
| | | | <p>các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng DT, tổng lợi nhuận, tổng chi phí của doanh nghiệp, từ đó giúp DN xác định đúng đắn năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tìm ra giải pháp tốt nhất để hội nhập và chiếm lĩnh thị trường</p> | |
| 152000 | Bảo hiểm (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: vai trò của bảo hiểm đối với nền kinh tế xã hội; Quyền và lợi ích cũng như trách nhiệm của các bên trong Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; Khai thác, quản lý và nguyên tắc thực hiện bồi thường bảo hiểm.</p> <p>Năng lực đạt được: người học thực hiện được các công việc liên quan đến tư vấn, giới thiệu, chào bán những sản phẩm bảo hiểm; Thu phí bảo hiểm theo quy định đồng thời sát sao và có trách nhiệm đối với các hợp đồng do mình đã ký kết với khách hàng; Tiến hành trích lập dự phòng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ và quy định của luật kinh doanh bảo hiểm; Xác minh, điều tra đối với các rủi ro bất thường xảy ra trong thời hạn hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm thương mại;</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- TS. Phạm Thị Định (2015), <i>Kinh tế Bảo hiểm</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành, NXB chính trị Quốc gia sự thật, 2020</p> | |
| 45 | Chọn 1 trong 3 học phần | | | |
| 151097 | Logistics đại cương (2 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về logistics. Phân tích được nội dung hoạt động logistics từ đó biết cách vận hành hiệu quả hệ thống logistics.</p> <p>Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực làm việc cho các doanh nghiệp tổ chức sản xuất hay dịch vụ, tổ chức chính phủ hay phi chính phủ. Các vị trí có thể đảm nhận liên quan đến hoạt động logistics như lập kế hoạch và kiểm soát thu mua nguyên vật tư, quản lý nhà cung ứng, quản lý vật tư và hoạch định tồn kho, thiết kế, quản lý hay vận hành nhà</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <p>1. GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Giáo trình Logistics và những vấn đề cơ bản</i>, NXB Lao Động – Xã Hội</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Đỗ Ngọc Hiền (2017), <i>Giáo trình Quản lý Logistics</i>, NXB ĐH Quốc gia.</p> | |

| | | | | |
|--------|---|---|--|--|
| | | | <p>kho, tối ưu hóa nguồn lực hỗ trợ, tối ưu hoá hoạt động vận tải, cung cấp dịch vụ logistics, thiết kế hệ thống thông tin quản lý,...</p> | |
| 151040 | Kinh tế quốc tế (2 tín chỉ) | <p>- Nội dung học phần: Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách kinh doanh ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <p>- Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ Hà Nội, 2012.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Tôn Hoàng Thanh Huế, Nguyễn Thị Mai, <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2020</p> <p>- Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng, <i>Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2008.</p> | |
| 251051 | Lập và phân tích dự án đầu tư (2 tín chỉ) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý</p> | <p>Tài liệu chính:</p> <p>1- Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2- Từ Quang Phương (2012), <i>Giáo trình Quản lý dự án</i>, NXB</p> | |

| | | | | |
|--|--------|------------------------------------|---|--|
| | | | <p>tiến độ thời gian của dự án.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả XH của dự án.</p> | ĐHKQTĐ |
| IV Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế khoá luận TN) 11TC | | | | |
| 46 | 153130 | Thực tập tốt nghiệp P (5 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và công tác kế toán tại đơn vị thực tập; Hiểu và thực hành được các nội dung tổ chức công tác kế toán, thực hành các phần hành kế toán tại đơn vị kế toán cơ sở từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, và lập báo cáo kế toán. Đưa ra được những quan điểm về thực trạng kế toán để có các giải pháp cải thiện các tồn tại trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập.</p> <p>Kết thúc thực tập sinh viên thực tập thực hiện chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá. Thời gian thực tập tốt nghiệp là 8 tuần.</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình chính liên quan đến chuyên đề thực tập - Quy định TTTN <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu, giáo trình liên quan đến chuyên đề TTTN |
| 47 | 153099 | Khoá luận tốt nghiệp P (6 tín chỉ) | <p>Nội dung học phần: Vận dụng kiến thức lý luận về chuyên môn trong quá trình học vào việc so sánh với thực tiễn công việc tại đơn vị kế toán cụ thể. Từ đó phân tích và đánh giá thực trạng, đưa ra được những quan điểm và phương thức thực hiện hiệu quả hơn các nội dung kế toán cho một phần hành kế toán hoặc một nội dung nào đó của công tác kế toán tại đơn vị kế toán.</p> <p>Năng lực đạt được: Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khoá luận tốt nghiệp</p> | <p>1. Tài liệu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình chính liên quan đến chuyên đề khoá luận TN. - Quy định viết khoá luận TN. <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu, giáo trình liên quan đến chuyên đề khoá luận TN. |

| | | | và được giảng viên hướng dẫn đánh giá. | |
|-------------------------------|--------|--|---|--|
| <i>Học phần thay thế KLTN</i> | | | | |
| 48 | 155020 | Lập và phân tích BCTC (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục đích của BCTC, kỳ lập, thời hạn nộp, nơi nhận BCTC, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành và phương pháp lập, phân tích BCTC. Giúp người học đủ khả năng phân tích đánh giá và tư vấn cần thiết cho chủ đơn vị về BCTC phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, đồng thời làm cơ sở nghiên cứu các học phần tiếp theo</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lập và phân tích BCTC; có khả năng phân tích cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn, phân tích được khả năng thanh toán hiện thời, khả năng thanh toán nhanh, ... và xác định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Văn Công, Giáo trình Phân tích BCTC, NXB Giáo dục, 2019. <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Năng Phúc, <i>Phân tích báo cáo tài chính</i>, NXB ĐHKQTĐ, (2011). - Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng, <i>Lập, đọc, phân tích và kiểm tra BCTC</i>, NXB Tài chính, 2017 |
| 49 | 153027 | Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ) | <p><i>Nội dung học phần:</i> Hệ thống các hệ thống bài tập tình huống, bài tập tổng hợp thực hành xuyên suốt nội dung kế toán doanh nghiệp góp phần làm rõ các thuật ngữ, khái niệm, nguyên tắc, Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng vận dụng và giải quyết các tình huống kế toán thực tế xuyên suốt nội dung kế toán doanh nghiệp, Hiểu rõ các thuật ngữ, khái niệm, nguyên tắc, Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để thực hành nghề kế toán tại các đơn vị.</p> | <p>1. Tài liệu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - PGS TS Trương Thị Thủy, Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2007. <p>1. Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS. NGND Ngô Thế Chi và PGS.TS. Trương Thị Thủy, Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính, 2013. - Bộ tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động, 2015. |
|--|--|--|--|

Tổng: 124 tín chỉ

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

| Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | |
|---|---|---|---|
| Học kỳ 1 (6 HP, 15 TC) | Học kỳ 2 (6 HP, 16 TC) | Học kỳ 1 (6 HP, 17 TC) | Học kỳ 2 (7 HP, 17TC) |
| Triết học Mác- Lênin Cơ sở văn hoá Việt Nam Tiếng Anh 1 Toán cao cấp <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Môi trường và con người*; Logic học đại cương*; Tâm lý trong quản lý kinh doanh* <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Địa lý kinh tế Việt Nam*; Lịch sử kinh tế quốc dân*; Lịch sử các học thuyết kinh tế*). Giáo dục thể chất 1 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin Tiếng Anh 2 Xác suất và thống kê toán học. Kinh tế vi mô Nguyên lý thống kê Nguyên lý kế toán Giáo dục thể chất 2 <i>(Chọn 1 trong 5 HP)</i> Bóng chuyền*; Thể dục Aerobic*; Bóng đá*; Vovinam - Việt võ đạo* | Chủ nghĩa xã hội khoa học Pháp luật đại cương Tiếng Anh 3 Tài chính tiền tệ Kinh tế vĩ mô Kế toán tài chính 1 | Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam Tư tưởng HCM Tin học Luật kinh tế Kế toán quản trị 1 Kế toán tài chính 2 Kinh tế lượng |
| Năm thứ ba | | Năm thứ tư | |
| Học kỳ 1 (7HP; 16 TC) | Học kỳ 2 (6HP; 16 TC) | Học kỳ 1 (7HP; 16 TTC) | Học kỳ 2 (2HP; 11 TC) |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD Marketing căn bản Kế toán quản trị 2 Quản trị TC doanh | Lý thuyết mô hình toán kinh tế Kế toán máy Tổ chức công tác kế toán Kiểm toán căn bản Khởi sự kinh doanh | Phân tích hoạt động kinh doanh Kiểm toán BCTC <i>Chọn 1 trong 2 (Kế toán thương mại dịch vụ*; Kế toán tài chính 3*)</i> | Thực tập tốt nghiệp Khoá luận tốt nghiệp <i>Thay thế khoá luận</i> (Lập và phân tích báo cáo tài chính*, Thực hành kết toán tài chính doanh |

| | | | |
|---|--|--|------------------------------------|
| <p> nghiệp 1 Quản trị doanh nghiệp 1 Kế toán hành chính sự nghiệp <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Thuế; Thị trường chứng khoán; Tài chính công*) </p> | <p> <i>Chọn 1 trong 3</i> (Nghiệp vụ ngân hàng TM*; Thống kê doanh nghiệp*; Bảo hiểm*) </p> | <p> <i>Chọn 1 trong 2</i> (Kế toán thuế*; Kế toán ngân sách xã*) <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Kế toán ngân hàng; Kế toán quốc tế*; Kế toán môi trường*) <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Kiểm toán nội bộ*; Kiểm toán hoạt động*; Kiểm toán tuân thủ*) <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> (Logistics đại cương*; Kinh tế quốc tế*; Lập và PTDA ĐT*) </p> | <p> nghiệp) </p> |
|---|--|--|------------------------------------|

Ghi chú: (*) Học phân tự chọn

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

| HỌC PHẦN | CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT | | | | | | | | | | | | | | |
|---|-----------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 | PLO1 5 |
| Triết học Mác-Lênin* | M | | | | | | | | | | | | | | |
| Kinh tế chính trị Mác-Lênin* | M | | | | | | | | | | | | | | |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học* | M | | | | | | | | | | | | | | |
| Lịch sử đảng công sản Việt Nam* | M | | | | | | | | | | | | | | |
| Tư tưởng HCM* | M | | | | | | | | | | | | R | | M |
| Pháp luật đại cương | M | | | | | | | | | | | | | | |
| Cơ sở văn hoá Việt Nam | | | | | | | | M | | | | | | | |
| Phương pháp NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD | | | | | | M | | | | | | | | | R |
| Môi trường và con người | | | | | | | | M | | | | | | | |
| Logic học đại cương | | | | | | | | | | | I | | | | |
| Tâm lý học quản lý KD | | | | | | | | M | | | | | | | |
| Địa lý kinh tế Việt Nam | | | | | | | | M | | | | | | | |
| Lịch sử KTQD | | | | | | | M | | | | | | | | |
| Lịch sử các học thuyết kinh tế | | | | | | | M | | | | | | | | |
| Tiếng Anh 1 | | | | | | | | | M | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|---|--|--|
| Tiếng Anh 2 | | | | | | | | | M | | | | | | |
| Tiếng Anh 3 | | | | | | | | | M | | | | | | |
| Toán cao cấp | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Tin học | | | | | | | | | | M | | | | | |
| Xác suất thống kê | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Lý thuyết mô hình toán KT | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Giáo dục thể chất | | | | | | | | | | | | | | | |
| Giáo dục quốc phòng | | | | | | | | | | | | | | | |
| Luật kinh tế | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Kinh tế vi mô | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Kinh tế vĩ mô | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Tài chính tiền tệ | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Nguyên lý thống kê | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Marketing căn bản | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Nguyên lý kế toán | | M | R | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán tài chính 1 | | M | M | | | | | | | | | R | | | |
| Kế toán quản trị 1 | | M | | M | | | | | | | | R | | | |
| Kế toán tài chính 2 | | M | M | | | | | | | | | R | | | |
| Kế toán quản trị 2 | | M | | M | | | | | | | | R | | | |
| Kế toán máy | | M | M | | | | | | | | | R | | | |
| Tổ chức công tác kế toán | | M | R | | | | | | | | | | R | | |
| Kiểm toán căn bản | | | | | M | | | | | | | | | | |
| Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Quản trị doanh nghiệp 1 | | | | | | | | R | | | | | | | |
| Kinh tế lượng | | | | | | M | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------------|--|---|---|--|---|---|---|--|--|--|---|--|--|--|--|
| Khởi sự kinh doanh | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Phân tích hoạt động kinh doanh | | | | | | M | | | | | | | | | |
| Kiểm toán báo cáo tài chính | | | | | M | | | | | | R | | | | |
| Kế toán HCSN | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán thương mại dịch vụ | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán tài chính 3 | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán thuế | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán Ngân sách xã | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán ngân hàng | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán quốc tế | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kế toán môi trường | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Kiểm toán nội bộ | | | | | M | | | | | | | | | | |
| Kiểm toán hoạt động | | | | | M | | | | | | | | | | |
| Kiểm toán tuân thủ | | | | | M | | | | | | | | | | |
| Thuế | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Thị trường chứng khoán | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Tài chính công | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Thông kê doanh nghiệp | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Bảo hiểm | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Logistics đại cương | | | | | | | R | | | | | | | | |
| Kinh tế quốc tế | | | | | | | R | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------------------|--|---|---|--|--|---|---|--|--|--|---|---|---|---|---|
| Lập và phân tích dự án đầu tư | | | | | | | R | | | | | | | | R |
| Lập và phân tích BCTC | | | | | | M | | | | | R | | | | R |
| Thực hành kế toán TCDN | | M | M | | | | | | | | | | | | |
| Thực tập tốt nghiệp | | | | | | | | | | | M | M | M | M | M |

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 08 năm 2021
LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS. Lê Quang Hiếu